

Vấn đề "quyền lực" trong triết học xã hội của Bécơrăng Rátxen : Luận văn ThS / Vũ Mạnh Toàn ; Nghd. : PGS. TS. Đặng Hữu Toàn . - H. : ĐHKHXHNV, 2003 . - 77 tr.

1. Tính cấp thiết của đề tài.

Trong lịch sử triết học, từ thời cổ đại đến nay, hầu hết các nhà triết học đều quan tâm nghiên cứu vấn đề quyền lực nói chung, hoặc những khía cạnh, bộ phận khác nhau của quyền lực nói riêng. Bởi vì, bất kỳ một cá nhân nào sống trong xã hội cũng đều phải tham gia vào những quan hệ quyền lực và bị chi phối bởi các quyền lực ấy ở những mức độ khác nhau. Hệ thống quyền lực bao trùm lên tất cả mọi thành viên trong xã hội. Một ông vua chuyên chế nhất, theo quan niệm của những nhà tư tưởng phong kiến, cũng chỉ là “con trời” và do vậy, ông vua đó cũng phải phục tùng quyền lực của Thượng đế.

Mỗi thành viên trong xã hội đều nằm trong những phân hệ quyền lực khác nhau. Trong mỗi quan hệ này, họ là người có quyền lực, nhưng trong mỗi quan hệ khác thì không, thậm chí ngược lại. Trong tiến trình phát triển của xã hội loài người, mối quan hệ giữa người với người luôn thay đổi, nên quan hệ quyền lực giữa họ với nhau cũng không cố định.

Trong lịch sử triết học phương Tây hiện đại, một trong những người bàn nhiều đến vấn đề quyền lực là nhà triết học người Anh - Bécơrăng Rátxen. Các tác phẩm chuyên bàn về quyền lực của ông là: *Quyền lực* - 1938, *Quyền lực và cá nhân* - 1949,... Trong những tác phẩm này, B. Rátxen đã đi vào phân tích vấn đề quyền lực dưới nhiều góc độ khác nhau: xã hội, tâm lý, chính trị, kinh tế, tôn giáo, luân lý và triết học. Hơn nữa, Bécơrăng Rátxen còn nhấn mạnh đến sự tiến hóa của quyền lực theo tiến trình lịch sử nhân loại. Ông lên tiếng báo động cho nhân loại về sự hình thành và không thể kiểm soát nổi của quyền lực khoa học, kỹ thuật và sự sa đọa tinh thần của xã hội văn minh ngày nay. Những quan điểm của ông đã có ảnh hưởng mạnh mẽ tới những quan điểm về quyền lực sau này.

Chính vì tầm quan trọng của vấn đề “quyền lực” và ảnh hưởng của nó trong nhiều lĩnh vực hoạt động của con người (kinh tế, chính trị, xã hội) hiện nay; thêm vào đó là sự kính trọng đối với những cống hiến của B. Rátxen trong cuộc đấu tranh vì tự do và hoà bình, vì hạnh phúc của nhân loại, đối với “những sáng kiến cao quý” của ông trong việc

ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược, chúng tôi lựa chọn “Vấn đề “quyền lực” trong triết học xã hội của B. Rátxen” làm đề tài nghiên cứu cho luận văn này.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài.

Cho đến nay, trên thế giới đã có nhiều công trình nghiên cứu về triết học của B. Rátxen nói chung, nhưng vấn đề “quyền lực” trong triết học xã hội của ông lại chưa được nghiên cứu một cách có hệ thống. Trong luận văn này, chúng tôi không có điều kiện để trình bày tất cả các công trình nghiên cứu về quan điểm triết học của ông, mà chỉ có thể kể đến các công trình tiêu biểu sau:

- *Russell* của A.G. Ayer (A.J. Ayer) (Nhà xuất bản Fontana, London, 1972). Đây là công trình nghiên cứu của một học giả người Anh được xuất bản ngay sau khi B. Rátxen mất được 2 năm. Trong công trình này, tác giả đã cung cấp cho người đọc một cách khái quát và có hệ thống về cuộc đời, sự nghiệp và các tác phẩm tiêu biểu của B. Rátxen trong nhiều lĩnh vực: logic học, toán học, triết học, đạo đức, tôn giáo, chính trị...

- *Chủ nghĩa thực chứng mới trong triết học tư sản hiện đại* - Đây là công trình nghiên cứu của các tác giả A.S. Bôgômôlôp, Ju.K. Menvin, I.S. Narôki - (Nxb Vyhaja Shkola, Mátxcova 1978 - Tư liệu dịch Viện Triết học - T. 676). Trong công trình này, các tác giả đã nghiên cứu khá toàn diện về quá trình xuất hiện, nguồn gốc và nội dung cơ bản của chủ nghĩa thực chứng mới. Trong đó, các tác giả đã giành một phần để giới thiệu về cuộc đời và sự nghiệp triết học của B. Rátxen trong nhiều lĩnh vực. Đặc biệt, các tác giả đánh giá công lao nổi bật của B. Rátxen là ở những đóng góp của ông trong việc đặt nền móng cho sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa thực chứng mới.

- *Các con đường của triết học tư sản thế kỷ XX* của tác giả Ju.K. Menvin, tác phẩm này đã được Đinh Ngọc Thạch, Phạm Đình Nghiệm dịch sang tiếng Việt với tên “*Các con đường của triết học phương Tây hiện đại*”, (Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1997). Trong công trình này, Ju.K. Menvin đã phân tích vai trò đặt nền móng cho sự ra đời và phát triển chủ nghĩa thực chứng mới của B. Rátxen. Trong đó, tác giả chủ yếu đề cập đến vấn đề triết học và logic học của B. Rátxen. Ju.K. Menvin đã khẳng định “B. Rátxen là người đầu tiên đưa triết học về sự phân tích logic nhờ sự bám sát vào những thành tựu của logic toán” với mục

đích đưa ra những định nghĩa chuẩn xác và nghiêm ngặt về khái niệm toán học. Rằng, với B. Rátxen, tất cả các khái niệm đều có thể đưa về các quan hệ của dãy số tự nhiên, các quan hệ có tính chất lôgic thuần túy.

- *Tư tưởng của B.Russell về chính trị và xã hội* - của Bát Shot (Bart Shultz) Nhà xuất bản Cambridge, 1996.

- *Lịch sử triết học* (quyển 8 - “*Triết học hiện đại: từ Bentham đến Russell*”) của Phridrich Côleton (S.J. Frederick Copleston - Nxb. Image Books Garden City, New York, 1966). Trong tác phẩm này, tác giả đã trình bày một cách khá hệ thống về cuộc đời, sự nghiệp khoa học của B. Rátxen, về các tác phẩm triết học, lôgic học, về kinh nghiệm và ngôn ngữ, về chân lý, về vấn đề tôn giáo và chính trị...

Đặc biệt, trên tạp chí “*Philosophy of the social sciences*” (*Triết học trong khoa học xã hội*, số 2 và 3 năm 1996) đã xuất hiện hàng loạt công trình nghiên cứu về B. Rátxen. Có thể kể đến như:

- “*Bertrand Russell in Ethics and Politics, the Vicissitude of Growth and Power*” của Bát Shot (Bart Schultz) - Đại học tổng hợp Chicago.

- “*Russell’s Empiricism and Its Relation to his and our Ethics and Politics*” (*Chủ nghĩa kinh nghiệm của B.Russell và mối liên hệ của nó đối với chính trị và đạo đức của chúng ta*) của Richác E. Phátmon (Richard E. Flathman) - Đại học tổng hợp Johns Hopkins.

- “*Bertrand Russell Meta-Ethical pioneer*” - (*Bertrand Russell khai phá sự biến đổi đạo đức*) của tác giả Chalơ R.Piđon (Charles R. Pigden) - đại học tổng hợp Otago.

- “*Russell The last great Radical?*” của Alân Riân (Alan Ryan) - đại học tổng hợp Princeton.

“*Bertrand Russell in Ethics and Politics, Philosophy and Power*” (*Những quan điểm của B. Rátxen về đạo đức, chính trị, triết học và quyền lực* - tác giả Bát Shot (Bart Schultz) - đại học tổng hợp Chicago,

- “*Bertrand Russell and the end of Nationalism*” (*B. Rátxen về sự cáo chung của chủ nghĩa dân tộc*) - tác giả Lui Grinpân (Louis Greenspan) - đại học tổng hợp Mc.Master.

Trong bài viết “*Russell’s power*” (*B. Rátxen về quyền lực*), Rátxen Hácđin (Russell Hardin) - đại học New York - khi nghiên cứu vấn đề quyền lực dưới góc độ tâm lý học, đã giới thiệu sơ lược “các hình thức của quyền lực” (tr.325), các giai đoạn của quyền lực trong tác phẩm “*Quyền lực*” của B. Rátxen.

Có thể khẳng định rằng, trên thế giới đã có nhiều công trình khoa học nghiên cứu về B. Rátxen. Hầu hết các công trình này đều đề cập đến những lĩnh vực mà B. Rátxen nghiên cứu: triết học, toán học, logic học, tôn giáo, đạo đức, giáo dục, chính trị,...

Ở Việt Nam, các công trình nghiên cứu về triết học của B. Rátxen nói chung, quan điểm của ông về quyền lực nói riêng không nhiều. Chúng ta chủ yếu biết đến triết học của B. Rátxen qua một số tư liệu, sách dịch từ tiếng Nga, tiếng Trung Quốc và qua giới thiệu ở một số từ điển triết học, một số giáo trình về lịch sử triết học phương Tây hiện đại, từ điển danh nhân văn hoá thế giới. Trong đó, đáng kể nhất là các công trình của tác giả Nguyễn Hiến Lê như: *Bertrand Russell chiến sĩ tự do và hoà bình* (Nxb Lửa Thiêng, 1971), *Thế giới ngày nay và tương lai nhân loại* (Nxb Ca dao, 1971).

Gần đây nhất, có một công trình được dịch ra tiếng Việt *10 nhà tư tưởng lớn thế giới* của Vương Đức Phong, Ngô Hiếu Minh (người dịch: Phong Đảo, Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội, 2003). Trong tác phẩm này, các tác giả đã đánh giá, xếp loại 10 nhà tư tưởng, nhà triết học lớn trên thế giới từ thời cổ đại cho đến thế kỷ XX, trong đó B. Rátxen là nhân vật đứng thứ 10 sau Hêghen, Mác, Nítơ. Về B. Rátxen, các tác giả đã trình bày khái quát về cuộc đời, những tư tưởng triết học cơ bản và những hoạt động khoa học xã hội của ông. Các tác giả đánh giá: B. Rátxen là một trong những nhà tư tưởng uyên bác nhất của thế kỷ XX,... các mặt số học, logic học, bản thể luận và nhận thức luận triết học ông đều có những đóng góp kiệt xuất.

Ngoài ra, chúng ta còn có thể tìm thấy những tư liệu về B. Rátxen qua một số bức thư của ông gửi cho Hồ Chí Minh và những bức thư “*cảm ơn*” của Người gửi cho B. Rátxen và J.P. Xáctơ vì những đóng góp của các ông cho sự nghiệp giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam và phong trào hoà bình của nhân loại.

Trong luận văn này, chúng tôi sử dụng những công trình nghiên cứu trên về B. Rátxen như những tài liệu tham khảo, trên cơ sở tiếp thu những hạt nhân có giá trị, gạt bỏ những định kiến quá thiên về phê phán hoặc ca ngợi quá sự thật.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn.

Mục đích của luận văn này là trình bày, phân tích những quan điểm triết học về *quyền lực* của B. Rátxen để trên cơ sở đó, đưa ra sự đánh giá về những đóng góp và hạn chế của ông trong quan điểm về quyền lực.

Để thực hiện mục đích nêu trên, *nhiệm vụ mà luận văn này phải giải quyết là:*

- Trình bày một cách khái quát về thân thế, sự nghiệp và những quan điểm triết học cơ bản của B. Rátxen.

- Khái lược những quan điểm cơ bản của các nhà triết học phương Tây về quyền lực trước B. Rátxen và sự phát triển của quan điểm quyền lực tiếp sau ông.

- Phân tích và lý giải những quan điểm của B. Rátxen về quyền lực, và trên cơ sở đó, đưa ra một số đánh giá về những quan điểm này.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu.

Luận văn được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu trực tiếp những tác phẩm của B. Rátxen viết về quyền lực, đồng thời kế thừa có chọn lọc những công trình nghiên cứu về vấn đề này của các tác giả đã đi trước.

Luận văn dựa trên nền tảng lý luận là quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về lịch sử triết học, về triết học xã hội.

Phương pháp nghiên cứu mà chúng tôi sử dụng là những phương pháp nghiên cứu của lịch sử triết học, cụ thể là: phương pháp logic kết hợp với phương pháp lịch sử, phân tích, tổng hợp, so sánh...

5. Cái mới của luận văn.

- Đóng góp mới của luận văn này là trình bày một cách khái quát một số quan điểm triết học về quyền lực của các nhà triết học phương Tây ngoài mácxít.

- Luận văn đi sâu phân tích quan niệm triết học của B. Rátxen về quyền lực và trên cơ sở đó, đưa ra đánh giá về những đóng góp và hạn chế của ông trong quan niệm về quyền lực.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn.

Về mặt lý luận, luận văn góp phần vào việc nghiên cứu tư tưởng của các triết gia phương Tây hiện đại ngoài mácxít về vấn đề quyền lực, cụ thể là triết học của B. Rátxen và quan niệm của ông về quyền lực.

Về mặt thực tiễn, luận văn có thể dùng làm tài liệu tham khảo phục vụ cho nghiên cứu và giảng dạy lịch sử triết học phương Tây hiện đại ngoài mácxít ở Việt Nam.

7. Kết cấu của luận văn.

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, nội dung cơ bản của luận văn bao gồm hai chương, năm tiết.

Chương 1

KHÁI QUÁT VỀ TRIẾT HỌC BÉCTORĂNG RÁT Xen

1.1. BÉCTORĂNG RÁT Xen - NGƯỜI SÁNG LẬP CHỦ NGHĨA THỰC CHỨNG MỐI

Nói đến triết học Anh hiện đại, chúng ta không thể không nhắc tới B. Rát Xen. Với trí tuệ siêu việt, sức làm việc phi thường, suốt nửa đầu thế kỷ XX, B. Rát Xen là trung tâm chú ý của công luận. Các công trình của ông trong những ngành khoa học xã hội và nhân văn, logic toán, triết học... được các học giả đương thời đánh giá là những bước ngoặt có thể sánh ngang với các kết quả nghiên cứu cơ bản của Niuton trong cơ học.

Không chỉ là một khuôn mặt lớn trong triết học và toán học, B. Rát Xen còn thành công ở nhiều lĩnh vực khác như logic học, xã hội học, tâm lý học. Ông còn là nhà chính luận, nhà hoạt động xã hội đấu tranh cho tự do và hoà bình của nhân loại. Đặc biệt, ông còn thành công trong lĩnh vực văn học. Viện Hàn lâm Thụy Điển trao giải thưởng Nôben văn học cho B. Rát Xen vào năm 1950 nhằm tôn vinh ông như một người phát ngôn hùng dũng nhất cho lẽ phải và chủ nghĩa nhân đạo..., như một dũng sĩ của tự do tư tưởng và tự do ngôn luận ở phương Tây.

1.1.1. Béctorăng Rát Xen và con đường hình thành quan điểm triết học của ông.

Béctorăng Rát Xen có tên đầy đủ là Bertrand Arthur William Russell. Ông sinh ngày 18 tháng 5 năm 1872 ở Ravenscroft, gần Trelleck, Monmouthshire trong một gia đình dòng dõi quý tộc lâu đời của nước Anh.

Năm B. Rát Xen được một tuổi, cả cha mẹ và chị gái đều lần lượt mất vì bệnh bạch hầu. B. Rát Xen lớn lên trong sự chăm sóc và dạy dỗ nghiêm khắc của bà nội. Bà của B.

Rátxen theo lối sống “thanh giáo” giống như lối sống của đại đa số những gia đình quý tộc Anh thời Victoria - nghiêm khắc, coi thường những điều kiện vật chất, không coi trọng ăn uống, cấm người nhà uống rượu, hút thuốc, buổi sáng cả nhà phải tập trung để đọc kinh thánh. Bà thường giáo dục B. Rátxen về luân lý phải yêu thương cha mẹ, yêu thương mọi người, phải yêu nước, không được ham tiền bạc, quyền hành, nhục dục, phản đối chiến tranh xâm lược của đế quốc Anh đối với các dân tộc khác... Chính lối giáo dục này đã có ảnh hưởng rất lớn đến tâm hồn và sự nghiệp của B. Rátxen sau này.

Khi còn nhỏ, B. Rátxen được giáo dục tại gia đình, đến năm 1889 (năm 17 tuổi) ông thi đỗ thủ khoa vào đại học Cambridge. Trong những năm đầu học ở đại học Cambridge, B. Rátxen ham mê nhất là môn toán học, nhưng sau đó, ông nhận thấy môn toán không thể giải đáp được những thắc mắc của ông về “tính dục” và “tôn giáo” - đây là hai vấn đề nảy sinh sớm nhất trong tư tưởng của B. Rátxen từ thuở nhỏ và nó cũng là điều trăn trở suốt cuộc đời ông. Chính vì vậy mà B. Rátxen quyết định chuyển sang học triết học với hy vọng sẽ giải quyết được những thắc mắc của mình.

Nhà triết học có ảnh hưởng tới sự hình thành tư tưởng triết học của B. Rátxen thời kỳ này trước hết là Giêm-xơ Mìn (James Mill) với học thuyết “Kinh nghiệm”. Tuy nhiên, trong bối cảnh mà triết học Anh đang chịu ảnh hưởng lớn do sự hưng thịnh của triết học duy tâm Đức lúc bấy giờ - cả chủ nghĩa duy tâm tiên nghiệm của I.Cantơ và chủ nghĩa duy tâm khách quan của Hêghen - ảnh hưởng của thuyết kinh nghiệm đối với B. Rátxen kéo dài không bao lâu.

Vào năm 1893, khi Brơlây (F.H. Bradley 1864-1924) viết cuốn “Hiện tượng và thực tại” (Appearance and Reality), thì một trào lưu tư tưởng ngả theo chủ nghĩa Hêghen mới ở Anh đã nảy sinh và phát triển. Đặc biệt, B. Rátxen chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất là từ McTơg-gớt (J.M.E. McTaggart 1866 -1925) khi nhà triết học này dùng triết học của Hêghen chống lại kinh nghiệm luận và tuyên bố có thể dùng logic của Hêghen để chứng minh thế giới này là tốt đẹp, linh hồn là bất tử. Từ đây, B. Rátxen hoàn toàn chuyển sang siêu hình - thứ siêu hình học “nửa Cantơ nửa Hêghen”. Tuy nhiên, thời kỳ này không kéo dài. Cuối năm 1898, bắt đầu là G.E. Mơ-rơ (G.E. Moore 1873 - 1958) và sau đó là B. Rátxen đã nối tiếp nhau thoát ly khỏi chủ nghĩa tâm Đức, chuyển hướng sang chủ nghĩa thực tại mới.

Sự chuyển hướng triết học của B. Rátxen từ chủ nghĩa duy tâm sang chủ nghĩa thực tại mới được bắt đầu từ sự ảnh hưởng của Morơ. Từ cuối năm 1898, sau khi B. Rátxen tiếp xúc với những tác phẩm không được công bố của Morơ như: *“Bản chất của phán đoán”* và *“Bác bỏ chủ nghĩa duy tâm”* - viết về vấn đề mối tương quan của tri giác với đối tượng vật lý - B. Rátxen đã từ bỏ chủ nghĩa chủ nghĩa duy tâm tuyệt đối. Đúng lúc đó, trong triết học Anh - Mỹ xuất hiện chủ nghĩa thực tại mới. Từ năm 1898 đến năm 1920, sự tiến hoá triết học của B. Rátxen diễn ra trong khuôn khổ của trào lưu triết học này.

Kết quả về mặt tư tưởng của sự chuyển biến lần này của B. Rátxen đã mang lại cho ông một số quan điểm có ý nghĩa đặt nền tảng cho sự phát triển triết học của ông về sau này.

1.1.2. Những học thuyết được B. Rátxen sử dụng với tư cách cơ sở nền tảng của chủ nghĩa thực chứng mới.

Với những học thuyết cơ bản như: “mối quan hệ bên ngoài”, thuyết “nguyên tử logic”, thuyết “nhất nguyên trung lập”, thuyết “lý luận từ mô phỏng”, B. Rátxen đã đặt nền móng cho sự ra đời của chủ nghĩa thực chứng mới. Trong luận văn này, trọng tâm của chúng tôi là phân tích quan điểm của B. Rátxen về “quyền lực”. Do vậy, chúng tôi không phân tích toàn bộ những học thuyết triết học của ông, mà chỉ trình bày một cách sơ lược hai học thuyết nền tảng cơ bản của B. Rátxen - học thuyết về “mối quan hệ bên ngoài” và học thuyết về “nguyên tử logic” - nhằm chỉ ra vai trò đặt nền móng của chúng cho sự ra đời của chủ nghĩa thực chứng mới.

Về thuyết “quan hệ bên ngoài”.

Chúng ta đều biết, khi xây dựng triết học phân tích của mình, B. Rátxen đã xuất phát từ việc phản bác thuyết duy tâm nhất nguyên của Hêghen. Theo B. Rátxen, “nhất nguyên luận của chủ nghĩa duy tâm Hêghen có cốt lõi siêu hình học và cốt lõi đó có thể được coi là “thuyết quan hệ bên trong”.

Xuất phát từ những kết quả nghiên cứu cơ bản về cơ sở nền tảng của toán học, B. Rátxen đã phản bác lại “thuyết quan hệ bên trong” và chứng minh cho sự tồn tại của mối quan hệ bên ngoài mà ông gọi là “thuyết quan hệ bên ngoài”. B. Rátxen cho rằng, thuyết quan hệ bên trong đặc biệt không thích dụng với mối quan hệ “phi đối xứng”, tức mỗi quan hệ có thể thích dụng cho A và B thì lại không thích dụng cho B và A. Nhưng do trong

toán học luôn có mối quan hệ phi đối xứng, nên “thuyết quan hệ bên ngoài” đã thể hiện tính chất quan trọng của nó. Bởi vì, theo thuyết quan hệ bên trong, trước khi ta hiểu được mối quan hệ giữa nguyên tố này với các nguyên tố khác, thì trước hết, cần biết nguyên tố mà chúng ta nói đến là gì, nhưng, trên thực tế, về căn bản chúng ta lại không có cách nào biết trước nguyên tố ấy, bởi chúng ta chưa biết được quan hệ bên trong giữa nó với các nguyên tố khác. Vì vậy, quan hệ giữa các sự vật chỉ có thể là quan hệ bên ngoài, chứ không thể là quan hệ bên trong.

Từ sự suy luận trên, B. Rátxen cho rằng, sự vật cá biệt là thực tại, và do vậy có chân lý cá biệt. Thực tại là thể phức hợp có thể phân tích. Từ đó, ông tiếp tục xây dựng vũ trụ luận mang tính đa nguyên chủ nghĩa.

Về thuyết nguyên tử logic.

Triết học phân tích của B. Rátxen được xây dựng dựa trên những thành tựu của logic toán. Từ những định nghĩa chính xác và chặt chẽ của các khái niệm toán học, B. Rátxen cho rằng tất cả các khái niệm có thể quy về các quan hệ của số tự nhiên, các quan hệ có tính chất logic thuần túy và toàn bộ toán học có thể quy về logic học.

Tin tưởng vào hiệu quả của phương pháp phân tích logic, B. Rátxen tuyên bố phương pháp này có thể tạo ra những điều kiện để giải quyết vấn đề triết học. Rằng, “logic học cấu thành bản chất của triết học”. Với chủ nghĩa nguyên tử logic, theo ông, con đường để hiểu thực chất của bất kỳ chủ đề nào là con đường phân tích. Đối với mỗi sự vật, khi nhận thức nó, con người cần phải tiến hành phân tích cho đến khi không thể phân tích được nữa mới thôi, lúc đó, chỉ còn lại là nguyên tử logic. B. Rátxen gọi đó là *nguyên tử logic* vì chúng không phải là vật chất từng hạt, mà là “khái niệm tạo nên sự vật”.

Như vậy, có thể nói rằng, trong thuyết nguyên tử logic của B. Rátxen luôn ẩn chứa một giả thiết triết học: ngôn ngữ với thế giới có tính cùng loại về cấu tạo. Do vậy, việc thừa nhận nguyên lý này có nghĩa là thừa nhận ngôn ngữ là cái có thể miêu tả thế giới. Dĩ nhiên, ngôn ngữ ở đây là ngôn ngữ lý tưởng - ngôn ngữ toán học.

1.2. NHỮNG VẤN ĐỀ TRIẾT HỌC XÃ HỘI CỦA B. RÁTXYEN

B. Rátxen không chỉ là một khuôn mặt lớn trong triết học và toán học, mà ông còn thành công ở nhiều lĩnh vực khoa học khác. Đặc biệt, trong khoa học xã hội, ông đã có những đóng góp lớn lao vào các lĩnh vực như: tâm lý học, tôn giáo học, giáo dục học,

chính trị học, đạo đức học, chiến tranh và hoà bình... Trong những lĩnh vực nêu trên, ở luận văn này, chúng tôi chỉ trình bày hai chủ điểm: quan niệm của B. Rátxen về tôn giáo và về chiến tranh và hoà bình, hai chủ đề mà theo chúng tôi, có liên quan tới vấn đề quyền lực được B. Rátxen trình bày trong các tác phẩm của ông về quyền lực. Mối quan hệ giữa quyền lực và tôn giáo thể hiện ở mối quan hệ giữa quyền lực tôn giáo, quyền lực giáo hội với quyền lực nhà nước. Quyền lực cũng là một trong những động lực làm nảy sinh những cuộc chiến trong lịch sử và hiện nay. Do vậy, việc nghiên cứu hai vấn đề này là cần thiết để hiểu rõ hơn quan điểm của B. Rátxen về quyền lực mà chúng tôi sẽ trình bày ở chương hai.

1.2.1. Quan niệm về tôn giáo.

Việc phê phán tôn giáo nói chung, đặc biệt là Thiên chúa giáo nói riêng, luôn chiếm một vị trí lớn trong sự nghiệp khoa học của B. Rátxen. Điều này thể hiện ở một số lượng lớn những tác phẩm ông viết về đề tài này, như: *Những điều tôi tin* (1925); *Tại sao tôi không phải là một tín đồ Thiên Chúa giáo* (1927); *Hôn nhân và luân lý* (1929); *Tôn giáo và khoa học* (1935); *Quyền lực* (1938); *Lịch sử triết học phương tây* (1954)...

Quan niệm về tôn giáo của B. Rátxen được hình thành từ rất sớm. Ngay từ nhỏ, ông đã thừa nhận mình là người mộ đạo và ham mê toán học. Ông nói “Không gì quan trọng bằng tôn giáo - ngoại trừ môn toán”. Xuất phát từ lòng mộ đạo ấy mà sau này, B. Rátxen đã tìm hiểu xem vì sao mình đã từng tin vào tôn giáo như vậy.

Khi nghiên cứu về tôn giáo, B. Rátxen bắt đầu từ ba vấn đề mà ông cho là quan trọng đối với bất kỳ một tôn giáo nào. Đó là: 1. Thượng Đế; 2. Linh hồn bất tử; 3. Ý chí tự do. Ông suy tư về ba vấn đề đó theo thứ tự từ dưới lên trên, nghĩa là, bắt đầu từ vấn đề “ý chí tự do”. *Thứ nhất*, xuất phát từ luận cứ cho rằng “mọi chuyển động vật chất đều tuân theo những quy luật về động lực học”, B. Rátxen đã đi tới chỗ bác bỏ quan điểm “có ý chí tự do”. *Thứ hai*, về vấn đề linh hồn bất tử. Theo ông, thể chất và tinh thần hiển nhiên là có quan hệ với nhau và bất kể mối quan hệ đó là như thế nào thì cũng “không có lý do gì để cho rằng tinh thần còn tồn tại khi mà bộ óc đã thối nát”. *Thứ ba*, về vấn đề Thượng đế. B. Rátxen cho rằng, mặc dù từ trước tới nay, “người ta đã đưa ra nhiều lý lẽ để chứng minh Thượng đế tồn tại”, nhưng “tất cả những lý lẽ đó tuyệt nhiên không có giá trị gì cả”. Và ông đi đến kết luận “...tôi không có một lý do gì để tin ở ba cái đó cả”.

Đó là những quan niệm ban đầu của B. Rátxen về tôn giáo, những quan niệm này tiếp tục được ông nghiên cứu vào thời kỳ sau này. Năm mười tám tuổi, sau khi ông đọc tập

“Tự truyện” của Stuart Mill, B. Rátxen đã tỉnh ngộ, ông liền từ bỏ đạo Kitô và coi như mình đã giải quyết xong vấn đề tôn giáo.

Vậy, do đâu mà con người có nhu cầu tôn giáo? Theo B. Rátxen, trước hết là do “sợ hãi”. Loài người luôn cảm thấy bất lực trước những gì mà mình gặp phải, chẳng hạn trước sức mạnh của tự nhiên, những vấn đề khó khăn trong xã hội, thậm chí, con người còn sợ chính bản thân mình. Theo ông, có ba điều làm cho con người “sợ hãi”. Đó là, *thứ nhất*, con người “sợ thiên nhiên”, ví dụ “có thể bị sét đánh, hoặc bị chôn sống trong một cuộc động đất”; *thứ hai*, con người “sợ người khác”, chẳng hạn, trên chiến trường, địch có thể giết mình được; *thứ ba*, con người “sợ ngay những đam mê của chính mình, những đam mê có khi mãnh liệt quá, có thể thúc đẩy mình làm những điều mà sau khi bình tĩnh lại rồi, mình sẽ ân hận”. Do những lẽ đó, con người luôn sống trong cảnh sợ hãi, và chính tôn giáo giúp cho con người bớt lo sợ đi.

Trong tác phẩm “*Tại sao tôi không phải là một tính đồ Thiên chúa giáo*” (1957), B. Rátxen đã lý giải tại sao ông từ bỏ Thiên chúa giáo. B. Rátxen đưa ra hai lý do làm ông không tin vào Thiên chúa giáo: *thứ nhất*, ông không tin vào sự tồn tại của Thượng đế và sự bất tử của Ngài; *thứ hai*, ông không tin vào sự tồn tại của Chúa như một người khôn ngoan và sáng suốt nhất.

Chính vì những quan niệm như vậy về tôn giáo mà B. Rátxen đã bị lên án kịch liệt từ phía các Giáo hoàn, từ phía các tín đồ của Thiên Chúa giáo. Thậm chí ông còn bị buộc thôi công việc giảng dạy tại đại học Caliphóocnia và đại học NiuÓc khi một mục sư Tin lành lên tiếng công kích ông trên các báo chí rằng: tại sao các học viện và các trường đại học lại “*giao chức vị giáo sư có trách nhiệm về triết học đối với thanh niên cho một người nổi tiếng về sự tuyên truyền của ông ta chống tôn giáo và chống đạo đức*”. Và B. Rátxen bị cho là không đủ tư cách để giảng dạy trong bất kỳ một trường đại học nào của nước Mỹ.

Mặc dù khẳng định tôn giáo sẽ còn tồn tại cùng với loài người, nếu như vẫn còn những cuộc đại chiến làm cho nhân loại điêu đứng, nhưng B. Rátxen cũng cho rằng, tôn giáo sẽ chết nếu các vấn đề xã hội được giải quyết. Đó là những vấn đề, như: chiến tranh và hoà bình, chống phổ biến vũ khí hạt nhân và vũ khí hoá học, nạn đói và thất học...

1.2.2. Quan niệm về chiến tranh và hoà bình.

Xuất phát từ lòng nhân đạo, B. Rátxen đã sớm lựa chọn cho mình con đường đấu tranh vì tự do và hoà bình, vì hạnh phúc của nhân loại. Ông đã có nhiều cống hiến cho sự nghiệp đấu tranh của nhân loại chống sản xuất vũ khí hạt nhân và bom H.

Dựa trên sự thay đổi có tính chất bước ngoặt trong quan điểm của B. Rátxen về chiến tranh và hoà bình, chúng tôi chia quá trình tiến triển quan điểm của ông về vấn đề này thành hai giai đoạn và làm rõ những đóng góp, hạn chế, cũng như những quan điểm dường như mâu thuẫn của ông trong từng giai đoạn lịch sử ấy.

Giai đoạn thứ nhất, từ chiến tranh thế giới lần thứ nhất cho đến thời điểm kết thúc chiến tranh thế giới lần thứ hai (1914 - 1945), - giai đoạn B. Rátxen bắt đầu bước vào hoạt động chống chiến tranh vì tự do và hoà bình.

Giai đoạn thứ hai, từ 1945 đến 1970 là giai đoạn mà B. Rátxen hoạt động mạnh mẽ nhất chống chiến tranh và đưa ra lời cảnh báo nhân loại về nguy cơ bị tận diệt bởi chiến tranh hạt nhân.

Mặc dù, B. Rátxen luôn đứng trên lập trường chống chiến tranh vì hoà bình nhưng có những thời điểm ông lại kêu gọi, ủng hộ chiến tranh. Sở dĩ ở ông có sự thay đổi lập trường như vậy là bởi, ông *không chủ trương phải giữ hoà bình bằng bất cứ giá nào*, mặc dù ông luôn cho rằng, “trong chiến tranh không có vấn đề nào quan trọng bằng vấn đề hoà bình”. Theo B. Rátxen, trong một số trường hợp cần thiết, người ta phải cần tới chiến tranh để bảo vệ hoà bình, nếu không sự nguy hại còn lớn hơn.

Chương 2

QUAN NIỆM CỦA BÉCTORĂNG RÁT Xen VỀ “QUYỀN LỰC”

2. 1. QUYỀN LỰC - VAI TRÒ VÀ CÁC HÌNH THỨC CỦA QUYỀN LỰC

2.1.1. Vấn đề quyền lực trong lịch sử triết học phương Tây.

Vấn đề quyền lực được các nhà triết học quan tâm nghiên cứu từ rất sớm trong lịch sử triết học. Ngay từ thời cổ đại, Arixtốt, Xixêrô đã nghiên cứu về quyền lực dưới góc độ bản chất, đặc điểm cơ bản, nguồn gốc... của quyền lực. Theo Arixtốt, quyền lực không chỉ là cái vốn có của mọi sự vật biết cảm giác, mà của cả giới tự nhiên vô cơ. Còn Xixêrôn lại cho rằng, “tổ chức quyền lực là tất yếu, nó bắt nguồn từ bản chất con người - chạy trốn sự

cô đơn và khao khát cuộc sống cộng đồng xã hội. Nó sinh ra không phải bởi cá nhân người thực hành nó mà bởi nhân dân”¹

Thời kỳ Trung cổ, “quyền lực Thượng đế” được các nhà thần học đưa lên vị trí hàng đầu, còn loài người chỉ được xem là cái “*phái sinh*” từ quyền lực của Thượng đế. Thời kỳ này phải kể đến tư tưởng về quyền lực của S. Ôguýttxanh (354 - 430) và Tômát Đacanh (1225 -1274).

Thời kỳ cận đại, các nhà không tưởng và các nhà bách khoa đã đặt vấn đề xác lập “quyền lực tư sản”. Nhưng, trong các tác phẩm của mình, họ chủ yếu nhấn mạnh quyền lực nhà nước và xem nhà nước như là “*vtuong quốc của lý trí*”. Trong thời kỳ này, tư tưởng của J.Lốccơ (1632- 1704), S.L.Môngtexkiơ (1689-1755), J.Rúttxô (1712-1778) về quyền lực và nhà nước là có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất không chỉ đến chính trị, xã hội thời bấy giờ, mà còn đến các thể chế chính trị hiện đại sau này.

Bản thân các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin cũng đề cập đến vấn đề quyền lực và những bộ phận khác của quyền lực như: *quyền uy, bạo lực và vai trò của bạo lực, quyền lực chính trị...* ở nhiều tác phẩm khác nhau. Chẳng hạn, trong “*Tuyên ngôn của Đảng cộng sản*”, Mác và Ăngghen cho rằng, “quyền lực chính trị, theo đúng nghĩa của nó là *bạo lực* có tổ chức của một giai cấp để trấn áp một giai cấp khác”². Một khía cạnh khác của quyền lực là “quyền uy” đã được Ăngghen bàn đến trong tác phẩm “*Bàn về quyền uy*”. Theo Ăngghen, quyền uy là ý chí của người khác buộc ta phải tiếp thu; quyền uy lấy sự phục tùng làm tiền đề.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng Nga, Lênin đã nhiều lần nhấn mạnh vai trò của quyền lực, đặc biệt là *quyền lực nhà nước*. Lênin cho rằng, vấn đề cơ bản của mọi cuộc cách mạng là vấn đề *chính quyền* nhà nước. Chừng nào mà chưa nhận rõ được vấn đề đó thì không thể nói đến việc tự giác tham gia cách mạng và càng không thể nói đến lãnh đạo cách mạng. Theo Lênin, nhà nước ở đây chẳng qua “là một tổ chức quyền lực đặc biệt, nó là tổ chức bạo lực dùng để trấn áp một giai cấp nào đó”.

Cho đến nay, vấn đề quyền lực vẫn còn là một đề tài thu hút sự chú ý không chỉ riêng các nhà triết học, mà còn cả các chuyên gia thuộc nhiều ngành khoa học xã hội khác, như: chính trị học, tâm lý học, xã hội học, sử học...

¹ Dẫn theo Hồ Văn Thông chủ biên (2000), *Tập bài giảng chính trị học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.76.

² Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.628.

Nửa đầu thế kỷ XX, vấn đề quyền lực được B. Rátxen nghiên cứu một cách khá toàn diện và hệ thống. Sau đó, vấn đề này tiếp tục được trường phái “*Triết học mới*” - ra đời vào những năm 1970 thế kỷ XX ở châu Âu, đặc biệt là ở Pháp - tiếp tục nghiên cứu.

2.1.2. Quyền lực với tư cách động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội.

Quan niệm của B. Rátxen về “quyền lực” được ông trình bày chủ yếu trong các tác phẩm - *Quyền lực (Power)* viết năm 1938, tác phẩm *Quyền lực và cá nhân (Authority and the Individual)* viết năm 1949 và tác phẩm *Bertrand Russell nghĩ sao nói vậy (Bertrand Russell Speaks his Mind)*³. Trong các tác phẩm này, B. Rátxen đã phân tích “quyền lực”, về sự ham mê quyền lực và sự tiến hoá của quyền lực trong suốt dòng lịch sử xã hội loài người dưới nhãn quan xã hội học, tâm lý, chính trị, văn hoá, kinh tế, tôn giáo, luân lý, triết học. Cũng ở đây, B. Rátxen còn lên tiếng báo động về những nguy cơ của nhân loại trước sự hình thành và phát triển của “quyền lực công nghệ” (Technological Power), về sự xa đọa tinh thần dường như vô phương cứu vãn của xã hội văn minh ngày nay. Ông lên tiếng kêu gọi, đòi hỏi con người phải đối xử nhân đạo với chính con người. Xuất phát từ lòng nhân đạo, B. Rátxen cố gắng phân tích, chỉ ra đâu là động lực hoạt động của con người trong xã hội. Và đâu là động lực thúc đẩy sự phát triển của lịch sử xã hội loài người.

B. Rátxen xuất phát từ sự khác biệt giữa con người và con vật ở phương diện trí năng và cảm xúc để đi đến quan điểm về “sự ham muốn quyền lực vô hạn ở con người”. Theo ông, ở “con người có những ham muốn tự bản chất nó đã vô hạn nên không bao giờ được thoả mãn hoàn toàn”, còn con vật, các hoạt động của chúng thường “bắt nguồn từ những nhu cầu về sinh tồn và truyền sinh”. Ở con người, lòng ham mê quyền lực và danh vọng là những ước muốn vô hạn. B. Rátxen cho rằng, thực tế cho thấy đa số nhân loại phải làm việc vất vả để thoả mãn những nhu cầu căn bản của mình và chỉ còn ít năng lực được dành cho những mục đích khác. Tuy nhiên, có những người khi có đời sống vật chất đảm bảo rồi nhưng vẫn không ngừng hoạt động để đạt được những mục đích khác. Chẳng hạn, hoàng Đế Xerxes (vua Ba Tư) không thiếu thực phẩm, cung tần mỹ nữ nhưng ông vẫn tiếp tục viễn chinh Athenes. Giải thích điều này, theo B. Rátxen,

³ Tác phẩm “*Bertrand Russell Speaks his Mind*” đã được Nguyễn Hiến Lê dịch với tên gọi “*Thế giới ngày nay và tương lai nhân loại*” Nxb Ca dao, 1971.

“chính tưởng tượng là yếu tố thúc đẩy con người hoạt động không ngừng sau khi những nhu cầu căn bản đã được thoả mãn”⁴.

Chính lòng đam mê “quyền lực và danh vọng” là những ước muốn vô hạn ở con người, do vậy, những ai đã có một chút quyền lực thì họ lại mong muốn có thêm một chút nữa. Và nếu như ai đó nghĩ rằng, những ước muốn này có thể được thoả mãn, thì đó là một sai lầm. Theo B. Rátxen, bởi vì bản tính của con người là luôn luôn muốn bành trướng sự ảnh hưởng của mình. Do vậy, những ước muốn về quyền lực chỉ bị giới hạn bởi những gì tưởng tượng đã gọi ra.

Theo B. Rátxen, mặc dù quyền lực là động lực mạnh nhất của nhân loại, nhưng trong mỗi người động lực đó lại không giống nhau. Bởi vì, nó bị chi phối và giới hạn bởi nhiều động lực khác, chẳng hạn, “lòng ham tiện nghi vật chất, lòng ham khoái lạc”, thậm chí cả “lòng ham đồng ý” ở nhiều người. Dưới góc độ tâm lý học và sinh lý học cá nhân, B. Rátxen cho rằng, một số người có những phẩm chất khiến họ luôn luôn ở vào cương vị chỉ huy, trong khi đó những kẻ khác phải vâng lời; giữa hai thái cực này là khối đông đảo quần chúng thích chỉ huy trong vài trường hợp, nhưng lại muốn phục tùng trong những trường hợp khác.

Xuất phát từ những câu hỏi: Vì sao nhân loại lại triền miên đắm mình vào những trận chiến đẫm máu? Vì sao con người đối xử với nhau không khác gì ác thú? Vì sao mỗi một trận chiến vừa qua đi, con người lại chuẩn bị cho những trận chiến kế tiếp? Theo B. Rátxen, sở dĩ con người bị xoáy vào những cơn lốc chiến tranh, bạo lực đó bởi vì, con người đã để cho “lòng đam mê quyền lực”, “khát vọng quyền lực” luôn hoành hành trong tâm trí họ.

B. Rátxen cho rằng, chính sự thôi thúc của quyền lực, sự khát vọng quyền lực là yếu tố cơ bản chi phối mọi hoạt động của con người, *quyền lực đóng vai trò động lực thúc đẩy xã hội tiến lên trong lịch sử nhân loại*. Ông viết “chỉ khi nào nhận ra rằng lòng yêu quyền lực là căn nguyên của mọi hoạt động xã hội quan trọng ta mới giải thích được lịch sử từ xưa đến nay một cách đúng đắn”⁵. Từ quan điểm cho rằng khát vọng quyền lực và danh vọng là những ước muốn vô hạn của con người, B. Rátxen đi đến phủ nhận động lực kinh tế trong xã hội, khi ông cho rằng “... dĩ nhiên, người ta có thể làm giàu vì giàu có là

⁴ B. Rátxen (1992), *Power*, by Routledge, London, p.7.

⁵ B. Rátxen (1992), *Power*, by Routledge, London, p. 9.

phương tiện đưa tới quyền lực hay giàu có làm gia tăng thêm quyền lực. Nhưng ta cần nhìn rõ là, trong cả hai trường hợp, động lực nền tảng không phải là động lực kinh tế”⁶. B. Rátxen nhấn mạnh sự khát vọng quyền lực là động lực chính yếu tạo nên những thay đổi mà khoa học xã hội phải coi là đối tượng nghiên cứu. Bởi, *thứ nhất*, theo ông: “quyền lực là khái niệm cơ bản trong khoa học xã hội, cũng như khái niệm năng lượng trong khoa học vật lý”. *Thứ hai*, “người ta chỉ có thể trình bày những luật động lực xã hội (the laws of social dynamics) theo tác động của quyền lực dưới các hình thức khác nhau của nó”. Muốn khám phá được những luật này, trước hết cần phải phân loại các hình thức quyền lực, sau đó xét tới cách ảnh hưởng của nó đến đời sống “tha nhân” của các tổ chức và cá nhân trong lịch sử.

2.1.3. Các hình thức của quyền lực.

B. Rátxen cho rằng, có nhiều cách khác nhau để phân loại các hình thức của quyền lực, mỗi cách phân loại đều có ích lợi riêng của nó. Chẳng hạn, theo B. Rátxen, quyền lực trong xã hội cũng giống như năng lượng trong vật lý học, nó có nhiều hình thức như: hình thức tài sản (Wealth), vũ khí (Armaments), thẩm quyền dân sự (Civil Authority), ảnh hưởng trên dư luận (Influence on Opinion)... B. Rátxen chủ yếu đi vào phân tích quyền lực trên con người.

Theo ông, trước tiên phải phân biệt quyền lực trên con người và quyền lực trên vật chất. Quyền lực trên vật chất là những hình thức sinh hoạt ngoài con người, nó được gia tăng trên vật chất nhờ khoa học, kỹ thuật và là nguyên nhân chính của mọi sự biến đổi trong thế giới hiện đại. Đối với quyền lực trên con người, trước hết có thể phân loại theo cách quyền lực ảnh hưởng tới các cá nhân hoặc theo loại tổ chức mà cá nhân có liên hệ.

Thứ nhất, loại quyền lực ảnh hưởng trực tiếp lên cá nhân và thứ hai, loại quyền lực ảnh hưởng gián tiếp lên cá nhân thông qua những tổ chức mà cá nhân đó tham dự. Mỗi cá nhân có thể chịu ảnh hưởng của “A: quyền lực vật lý trực tiếp trên thân thể, như bị cầm tù hay bị giết. B: thưởng hay phạt, ví dụ được giao công việc hay bị mất việc. C: ảnh hưởng trên dư luận, ví dụ được quảng bá hiệu theo nghĩa rộng nhất của từ này”. Những hình thức quyền lực này, theo B. Rátxen, được phơi bày một cách “hiển nhiên” những cũng rất “đơn

⁶ B. Rátxen (1992), *Power*, by Routledge, London, p. 9.

giản”, nhất là khi chúng ta đối xử với loài vật, bởi trong trường hợp này chúng ta không cần phải giả vờ hay che giấu gì hết.

Phân tích các hình thức quyền lực theo sự phát triển của bản thân nó trong lịch sử xã hội loài người kể từ khi xuất hiện cho đến nay, B. Rátxen cho rằng có ba hình thức quyền lực cơ bản là: “*Quyền lực truyền thống*” (Traditional Power) và “*Quyền lực mới giành được*” (Newly Acquired Power). Ngoài hai hình thức quyền lực này, còn một hình thức quyền lực khác không dựa trên sự đồng thuận chung của mọi người được ông gọi là “*Bạo lực*” (Naked Power).

Bạo lực

B. Rátxen cho rằng, “*Bạo lực*” - với tư cách là một hình thức quyền lực - nó là cái được hình thành không dựa trên nền tảng của sự thuận tình của đại đa số dân chúng. Nguồn gốc của bạo lực là do “*khuyh hướng ham muốn quyền lực của các cá nhân hay các nhóm và chỉ được người ta tuân theo vì sợ hãi, chứ không có sự hợp tác thành thật nào*”⁷. Tuy nhiên, mức độ bạo lực của quyền lực chỉ là vấn đề cấp độ bạo lực được sử dụng. Chẳng hạn, Giáo hội sẽ dùng bạo lực để trấn áp những kẻ ngoại đạo phạm tội, nhưng lại đối xử ôn hoà hơn đối với tín đồ của mình cùng phạm tội ấy. Bạo lực thể hiện rõ ràng nhất trong quyền cưỡng chế của quân đội ở trong nước hay khi nó đi chinh phục nước ngoài.

Quyền lực truyền thống.

Theo B. Rátxen, quyền lực truyền thống đó là thứ quyền lực luôn được “*thói quen*” hậu thuẫn và người ta không cần phải “*bênh vực nó*”, không cần phải tuyên bố mọi sự “*lật đổ*” nó đều là vô ích. Quyền lực này luôn gắn kết với những đức tin tôn giáo vốn luôn chống lại mọi sự chống đối chúng. B. Rátxen không coi một thứ quyền lực nào đó là truyền thống chỉ bởi vì nó mang những hình thức cổ truyền. Quyền lực này sở dĩ được coi trọng còn là vì tập quán, thói quen của nhân dân. Khi lòng “*kính trọng*” này không còn thì “*quyền lực truyền thống dần biến thành bạo lực*”. Theo B. Rátxen, khi một hình thức quyền lực truyền thống chấm dứt, hình thức quyền lực tiếp theo có thể là bạo lực hoặc là một hình thức quyền lực cách mạng có sự đồng tình của đa số dân chúng.

Xét theo sự tiến triển của lịch sử xã hội, theo B. Rátxen có hai hình thức quyền lực truyền thống điển hình nhất, đó là: “*Quyền lực tu sĩ*” (Priestly Power) và “*Vương quyền*”

⁷ Xem Bertrand Russell (1992), “*Power*”, by Routledge, London, tr. 29.

(Kingly Power). Hai hình thức quyền lực truyền thống này có mối quan hệ chặt chẽ, phụ thuộc lẫn nhau trong lịch sử.

Quyền lực mới giành được. Quyền lực mới giành được còn được gọi là *Quyền lực cách mạng* (Power Revolutionary).

Quyền lực này có được khi “nó thuộc về một nhóm lớn những người nắm được quyền lực nhờ một niềm tin mới, một chương trình hoạt động mới, hay một cảm tình mới..., như chủ nghĩa cộng sản, hoặc lòng khao khát muốn thống nhất quốc gia”⁸.

Sự phân biệt quyền lực truyền thống, quyền lực cách mạng, bạo lực chỉ có tính chất tương đối. Bởi theo B. Rátxen, trong một tổ chức chính quyền tồn tại lâu dài thường trải qua ba giai đoạn quyền lực: “... giai đoạn đầu tiên, nhà cầm quyền dựa vào niềm tin nồng nhiệt để sử dụng sức mạnh vào việc chinh phục những kẻ khác. Giai đoạn hai, quyền lực mới dần được cộng đồng chấp nhận và nhanh chóng trở thành quyền lực truyền thống. Và cuối cùng, người ta dùng vũ lực để chống lại những kẻ từ chối quyền lực truyền thống, đó chính là bạo lực”.

2.2. CÁC KHÍA CẠNH KHÁC CỦA QUYỀN LỰC VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU QUYỀN LỰC.

2.2.1. Quyền lực dưới nhãn quan luân lý, đạo đức học và triết học.

Quyền lực dưới nhãn quan luân lý, đạo đức học.

Dưới nhãn quan đạo đức học, B. Rátxen chủ yếu xem xét “lòng yêu quyền lực” của con người - “phần chính yếu của nhân tính” - là có đạo đức hay vô đạo đức, là tốt hay xấu. Theo ông, trước đây, chúng ta thường bị ám ảnh bởi những tai họa do quyền lực gây nên và tự nhiên đã làm cho chúng ta muốn gạt bỏ hoàn toàn mọi ảnh hưởng dù tốt hay xấu của mình đối với người khác. Chúng ta hãy thử tưởng tượng rằng, bạn quý mến người láng giềng của mình, hiển nhiên bạn mong sao có được quyền lực làm cho anh ta hạnh phúc. Như vậy, nếu ta kết án tất cả lòng yêu quyền lực là ta đã kết án cả lòng yêu người láng giềng.

Dưới góc độ đạo đức học về quyền lực, theo B. Rátxen, không nhằm phân biệt một số hình thức quyền lực là chính đáng với những hình thức quyền lực không chính

⁸ Xem Bertrand Russell (1992), “Power”, by Routledge, London, tr. 28.

đáng. Mà thực ra chúng ta phải xét đoán việc sử dụng quyền lực qua hậu quả của nó. Ông cho rằng, “chính cá nhân mới là hiện thân của điều tốt hay điều xấu chứ không phải các cộng đồng”.

Mối quan hệ giữa triết học và quyền lực.

Xuất phát từ quan điểm lòng yêu quyền lực là một phần trong bản tính của con người bình thường. B. Rátxen cho rằng, “quyền lực là động lực ý thức hay vô thức của các triết gia khi họ tạo nên siêu hình học hoặc các phán đoán đạo đức của mình”. Những niềm tin của chúng ta thường bắt nguồn từ “khát vọng” (Desire) kết hợp với “nhận định” (Observation) xem ta có thể thực hiện được các khát vọng hay không.

Những khát vọng khác nhau đã bao trùm lên các tác phẩm của các nhà triết học từ xưa cho đến nay. Đó là “khát vọng về hiểu biết, khát vọng muốn chứng minh vũ trụ có thể nhân biết được, khát vọng hạnh phúc, khát vọng đức hạnh, khát vọng được cứu rỗi, khát vọng kết hợp với thượng đế hoặc với tha nhân v.v... khát vọng hưởng lạc, và cuối cùng là khát vọng có được quyền lực”⁹.

Tóm lại, theo B. Rátxen, nếu chúng ta xét ở những hậu quả cuối cùng của các triết học quyền lực thì chúng đều có tính tự bác. Bởi vì, chẳng hạn, nếu tôi tin tôi là Thượng Đế, và nếu chẳng ai chịu chia sẻ tin tưởng này thì chắc chắn niềm tin này sẽ đưa tới một cuộc chiến tranh tàn khốc mà có lẽ chính tôi cũng phải chết. Chính vì vậy, theo B. Rátxen, “để cho đời sống xã hội là sự thoả mãn những khát vọng xã hội, thì nó phải có nền tảng trên một triết học nào đó không có căn cơ ở lòng yêu quyền lực”.

2.2.2. Quan niệm của B. Rátxen về ý nghĩa của việc nghiên cứu quyền lực.

Thứ nhất, từ sự nghiên cứu về các hình thức của quyền lực biểu hiện trong thực tiễn lịch sử phát triển của xã hội, B. Rátxen đã chỉ ra sự bất bình đẳng về quyền lực trong đời sống xã hội, và trong thời đại ngày nay, sự bất bình đẳng về quyền lực thể hiện rõ nhất trong mối quan hệ của một tổ chức đối với các thành viên của nó.

Thứ hai, từ quan điểm coi sự ham mê quyền lực, danh vọng là những ước muốn vô hạn ở con người, B. Rátxen cho rằng, khi một ai đó đã có một chút quyền lực thì họ thường mong muốn có thêm một chút nữa. *Quyền lực là động lực mạnh nhất thúc đẩy con người hoạt động. Vì vậy, dẫn đến sự cạnh tranh, sự bất ổn định và chiến tranh tàn khốc.* Và,

⁹ Xem Bertrand Russell (1992), “Power”, by Routledge, London, tr. 173.

trong một tổ chức, một cộng đồng, một quốc gia, dù chúng có dân chủ đến mấy thì vẫn có sự bất bình đẳng về quyền lực. Sự bất bình đẳng này dẫn tới một người hoặc nhóm người sẽ độc quyền và sử dụng bạo lực đối với những người chống đối. Vì vậy, vấn đề đặt ra là làm thế nào để việc cai trị xã hội không phải bằng bạo lực, mà bằng sự khôn ngoan của con người nhằm thực hiện các ước muốn chung của nhân loại là đạt tới hạnh phúc, bình an trong tâm hồn, an toàn của bản thân và sự hiểu biết thế giới mà chúng ta đang phải sống trong đó. Từ đó, B. Rátxen cho rằng, *phải có cơ chế, điều kiện để chế ngự quyền lực độc đoán của cá nhân*.

2.3. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ QUAN NIỆM QUYỀN LỰC CỦA BÉCTORRĂNG RÁTXEN

Qua nghiên cứu quan niệm của B. Rátxen về quyền lực chúng tôi rút ra một số nhận định và đánh giá sau:

Thứ nhất, B. Rátxen là một trong những người đầu tiên đã kết hợp giữa một đề tài khẳng định tính tâm lý của ý chí theo đuổi quyền lực vì chính bản thân giá trị của quyền lực. Và, điểm mạnh B. Rátxen chính là sự phân tích 3 loại hình rõ rệt của quyền lực” (quyền lực truyền thống, quyền lực cách mạng, bạo lực). Trong đó, phần lý luận sắc sảo nhất của B. Rátxen được thể hiện khi ông làm sáng tỏ sự phối hợp có ý nghĩa gì trong trường hợp khó khăn của những cá nhân khi phải kiểm soát một chính phủ dân chủ nhằm kiềm chế sự lạm dụng quyền lực.

Thứ hai, quan điểm về quyền lực của B. Rátxen bị giới hạn trong một giai đoạn lịch sử. Bởi vì, thời kỳ mà B. Rátxen viết những tác phẩm “*Quyền lực*”, “*Quyền lực và cá nhân*” là cùng thời với Franco, Hitler, Mussolini - thời kỳ mà “các mối quan hệ quyền lực bị mục nát”. Chính vì vậy, những quan điểm của B. Rátxen về quyền lực chủ yếu nghiêng về khía cạnh tâm lý và phê phán các xã hội mà ở đó, quyền lực bị một nhóm nhỏ sử dụng vì mục đích củng cố sự chuyên chế của mình, và do vậy, ông không đi sâu hơn vào sự phân tích bản thân “quyền lực”.

Thứ ba, quan điểm về quyền lực của B. Rátxen chịu ảnh hưởng của Nítơ trong cuốn “*Ý chí vươn tới quyền lực*”.

Thứ tư, về sự phân loại quyền lực của B. Rátxen. B. Rátxen phân chia thành ba loại quyền lực: quyền lực truyền thống, quyền lực cách mạng và bạo lực. Theo chúng tôi, ba loại hình quyền lực này không phải là các loại quyền lực nói chung. Thực ra, đó chỉ là các hình thái quyền lực của nhà nước đối với các khách thể của nó. Cách phân loại của B. Rátxen về quyền lực (tương đối rõ như đã phân tích ở phần trên) có thể vẫn gây nhầm lẫn về cách hiểu quyền lực.

Thứ năm, có thể khẳng định B. Rátxen là người đầu tiên nghiên cứu về quyền lực dưới nhiều góc độ (triết học, tâm lý học, xã hội học, sử học,...) và ông cũng là một trong những người đầu tiên nhận thấy vai trò đặc biệt quan trọng của quyền lực không chỉ trong lịch sử phát triển xã hội, mà còn có vai trò quan trọng trong đời sống xã hội hiện nay. Những quan niệm của B. Rátxen về quyền lực đã đặt cơ sở cho việc nghiên cứu về quyền lực sau này. Chẳng hạn, vấn đề quyền lực được trường phái “*Triết học mới*” (ra đời vào những năm 1970 thế kỷ XX ở châu Âu, đặc biệt là ở Pháp) tiếp tục nghiên cứu.

Cuối thế kỷ XX, vấn đề “quyền lực” tiếp tục được bàn đến trong bộ sách “*Thăng trầm quyền lực*” của Anvin Tophlơ (Alvin Toffler) - xuất bản năm 1990 tại New York. Trong công trình này, Anvin Tophlơ đã khẳng định, “quyền lực giữ một vai trò rất quan trọng mà con người không sao hiểu nổi, đặc biệt là đối với thời đại của chúng ta”. Theo tác giả, “khi nói đến quyền lực, trong tâm thức của chúng ta không khỏi có ấn tượng xấu, vì nhân loại có khuynh hướng lạm dụng quyền lực, còn bản thân quyền lực vốn không tốt không xấu. Trái lại, con người có mối liên hệ chặt chẽ với quyền lực và không thể trốn khỏi nó được. Hơn nữa, nó có ảnh hưởng sâu sắc đến mọi sinh hoạt của chúng ta”¹⁰.

KẾT LUẬN

1. Béctorăng Rátxen (1872-1970) không chỉ là triết học, nhà logic học, toán học, mà còn là một nhà xã hội học, nhà chính luận, nhà hoạt động xã hội Anh tích cực. Ông có những đóng góp lớn trong việc đặt nền móng cho sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa thực chứng mới. B. Rátxen còn là một trong những người sáng lập nên hội siêu hình học thế giới.

¹⁰ Alvin Toffler (2002), *Thăng trầm quyền lực*, t.1, Nxb Thanh niên, Hà Nội, tr. 19.

2. Trong lĩnh vực khoa học xã hội, B. Rátxen luôn đứng trên lập trường nhân bản, đứng về phía đa số nhân loại để đòi hỏi công lý, đòi hỏi con người phải đối xử nhân đạo đối với con người; khoa học, kỹ thuật là để phục vụ con người, vì con người, không ai được phép sử dụng thành tựu của khoa học để đàn áp lại số đông nhân loại. Trên con đường đi tìm một giải pháp nhằm làm giảm thiểu nỗi khổ đau của nhân loại mà ông từng chứng kiến, B. Rátxen đã nghiên cứu vấn đề quyền lực như là một động lực thúc đẩy sự phát triển xã hội. Trong quan niệm của ông, quyền lực và sự đam mê quyền lực, sự lạm quyền là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn tới nỗi khổ đau của nhân loại. Chính vì vậy, B. Rátxen đã nghiên cứu quyền lực để chỉ ra cho nhân loại biết phải làm thế nào để hạn chế những mặt trái của quyền lực.

3. B. Rátxen luôn trăn trở với những câu hỏi: Vì sao nhân loại lại phải triển miên dấn mình vào những trận đánh đẫm máu? Vì sao con người đối xử với con người không khác gì ác thú? Vì sao mỗi một trận chiến vừa qua đi, con người lại chuẩn bị cho những trận chiến kế tiếp? Động lực thúc đẩy con người hoạt động là gì? Sự phát triển của lịch sử xã hội là gì? Động lực đó có phải là “kinh tế” như quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin hay do một lực lượng thần bí ngoài con người thúc đẩy như sự giải thích của các nhà thần học? Và, khi trả lời những câu hỏi này, B. Rátxen cho rằng, sở dĩ con người bị xoáy vào những cơn lốc chiến tranh, bạo lực đó bởi vì, con người đã để cho “lòng đam mê quyền lực” luôn hoành hành trong tâm chí họ. Rằng, chính sự thôi thúc của quyền lực, sự ham mê quyền lực là yếu tố cơ bản chi phối mọi hoạt động của con người, là động lực thúc đẩy xã hội tiến lên trong lịch sử nhân loại. Từ quan điểm coi sự đam mê quyền lực và danh vọng là những ước muốn vô hạn của con người, B. Rátxen đi đến phủ nhận động lực kinh tế trong xã hội, khi cho rằng, dĩ nhiên, người ta có thể làm giàu vì giàu có là phương tiện đưa tới quyền lực hay giàu có làm gia tăng thêm quyền lực. Nhưng ta cần hiểu rằng, trong cả hai trường này, hợp động lực nền tảng không phải là động lực kinh tế. B. Rátxen nhấn mạnh sự say mê quyền lực là động lực chính yếu tạo nên những thay đổi mà khoa học xã hội phải coi là đối tượng nghiên cứu.

4. Đóng góp lớn nhất của B. Rátxen trong việc nghiên cứu quyền lực ở chỗ, ông là một trong những người đầu tiên tiến hành phân tích các hình thức của quyền lực (quyền lực truyền thống, quyền lực cách mạng và bạo lực) và chỉ ra sự tiến hoá của “ý niệm”

quyền lực theo suốt dòng lịch sử. Sự phân định quyền lực truyền thống, quyền lực cách mạng và bạo lực ở đây chỉ mang tính tương đối. Bởi vì, trên thực tế, trong mỗi hình thức quyền lực ấy lại chứa đựng và sử dụng cả những hình quyền lực thức khác. Chẳng hạn, quyền lực cách mạng và bạo lực có biên giới hết sức mong manh, nó tùy thuộc vào việc sử dụng bạo lực như thế nào và tùy thuộc vào lập trường giai cấp.

Một đóng góp nữa của B. Rátxen trong quan điểm của ông về quyền lực, đó là, ông đã phân tích quyền lực dưới nhiều góc độ khác nhau: tâm lý học, đạo đức học, triết học, xã hội học. Và, cuối cùng, B. Rátxen đã đưa ra quan điểm cần phải có phương thức để kiềm chế sự lạm dụng quyền lực, chống lại sự chuyên quyền, độc đoán. B. Rátxen đã đưa ra một số điều kiện cơ bản để chế ngự quyền lực. Điều kiện về chính trị: xây dựng nền dân chủ là một giải pháp chính yếu để ngăn chặn nhóm thiểu số sử dụng bạo lực để chiếm lấy quyền lực. Điều kiện kinh tế - đó là việc phải xây dựng một nền kinh tế mà nhà nước nắm quyền kiểm soát, và dĩ nhiên, nhà nước đó phải dân chủ. Ngoài hai điều kiện cơ bản trên, điều kiện về tuyên truyền, điều kiện tâm lý và điều kiện giáo dục, theo ông, cũng góp phần chống lại sự lạm dụng quyền lực.

5. Mặc dù vẫn còn những hạn chế không thể tránh khỏi khi xây dựng quan niệm về quyền lực trong triết học xã hội của mình, B. Rátxen vẫn có những đóng góp đáng kể trong việc nghiên cứu quyền lực. Chúng tôi đánh giá cao những đóng góp của ông trong nghiên cứu quyền lực, các hình thức của quyền lực, triết học về quyền lực, sự cần thiết phải chế ngự quyền lực. Vượt lên trên tất cả những trở ngại, B. Rátxen đã đứng trên quan điểm nhân bản, đứng về phía đông đảo nhân loại để nghiên cứu quyền lực nói riêng, các lĩnh vực khoa học xã hội khác nói chung.

**CÁC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC ĐÃ ĐƯỢC CÔNG BỐ
CÓ LIÊN QUAN ĐẾN ĐỀ TÀI LUẬN VĂN**

1. Vũ Mạnh Toàn (2001), “Quan niệm của B.Rátxen về “quyền lực”, *Triết học*, (7), tr. 38 - tr. 43.
2. Vũ Mạnh Toàn (2002), “Béctorăng Rátxen (1872 - 1970) với sự nghiệp chống chiến tranh vì tự do và hoà bình của nhân loại”, *Triết học*, (11), tr. 50 - tr. 55.